

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỆ NẠN MẠI DÂM Ở QUẢNG NINH

ĐÀO HUY KHUÊ

1. Nhìn lại các nghiên cứu về mại dâm

Trên thế giới và ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về mại dâm, ở nhiều khía cạnh khác nhau, từ nguồn gốc; quy mô; nguyên nhân phát sinh, phát triển; các loại hình hoạt động; chân dung người hành nghề, người mua dâm, chủ chứa, môi giới, cò mồi; hệ lụy, tác hại; các yếu tố thuận lợi, khó khăn; đến các chính sách... Tựu trung, các công trình đều hướng tới mục tiêu đưa ra các chính sách đối với mại dâm. Một số nước phát triển trên thế giới đã quy định trong luật pháp coi mại dâm là một nghề. Ở Việt Nam dưới thời kỳ Pháp cai trị, mại dâm cũng được chính quyền thuộc địa coi là một nghề, được cấp phép hành nghề và có nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước (Khuất Thu Hồng, 1998, tr. 41).

Đến những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, mại dâm ở Việt Nam mới thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nghiên cứu toàn diện, thông tin khá đầy đủ, sớm nhất được công bố ở Việt Nam là báo cáo của tổ chức CARE International (Khuất Thu Hồng, 1998, tr. 45). Kết quả của CARE ngoài việc đem lại những phát hiện mới mẻ còn đóng vai trò gợi mở, từ đó các chương trình tìm hiểu về mại dâm ngày một nhiều, cởi mở

hơn. Năm 1992, dưới sự bảo trợ của Quỹ Nhi đồng Anh tại Việt Nam, Robert đã tiến hành một nghiên cứu và chỉ ra 3 nhóm có nguy cơ cao gồm: người hành nghề mại dâm (cả nam lẫn nữ), đồng tính luyến ái và tiêm chích ma túy (Robert, 1992). Viện Xã hội học (1991) có một nghiên cứu giới thiệu về lịch sử hình thành mại dâm trên thế giới và kinh nghiệm đối phó với nạn mại dâm ở các nước; phân tích xã hội về nguyên nhân và động cơ bước vào nghề mại dâm; xây dựng các giải pháp đối với mại dâm (Khuất Thu Hồng, 1991). Nghiên cứu đáng chú ý là của Lê Thị Quý và cộng sự (1992) cho biết một số người hành nghề mại dâm có quan điểm “mại dâm cũng là một nghề và nó cũng bình thường như các nghề khác”. Nguyên nhân chính khiến họ hành nghề mại dâm là đói nghèo; ngoài ra, nguyên nhân thiếu văn hóa, lười lao động, đua đòi ăn chơi, thích hưởng lạc cũng là lý do khiến nhiều thiếu nữ sa ngã (Lê Thị Quý, 1992). Đoàn Thanh niên Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành khảo sát ở hai địa phương có dân số lớn nhất nước, theo đó chân dung GMD được mô tả đầy đủ hơn (Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, 1996). Nghiên cứu của Dương Tự Đàm (1992) cũng đồng nhất về nguyên nhân chủ yếu dẫn phụ nữ tới nghề mại dâm là khó khăn về kinh tế, do không có việc

làm hoặc thu nhập thấp, không ổn định, không đảm bảo được đời sống của bản thân và gia đình; quan hệ bất hòa trong gia đình, sinh ra chán nản rồi sa ngã; nhu cầu ăn chơi của bản thân vượt quá sự chu cấp của gia đình, trong khi bản thân lại dễ dàng và nhanh chóng có nhiều tiền. Viện Xã hội học trong một nghiên cứu vào năm 1997 chỉ ra rằng nghèo đói không phải là nguyên nhân duy nhất thúc đẩy phụ nữ vào mại dâm; sự bất hòa trong gia đình, sự thất vọng về người chồng hoặc người yêu là những lý do quan trọng. Rất nhiều nghiên cứu đi sâu vào những hệ lụy với mại dâm như nhiễm HIV/AIDS, trong đó đáng kể là nghiên cứu của Khuất Thu Hồng và các cộng sự (1997), Nguyễn Thị Thanh Thủy và cộng sự (1996)...

Mặc dù các nghiên cứu nêu trên đã mô tả được bức tranh chung về mại dâm trên thế giới và ở Việt Nam, nhưng sự phát triển rất nhanh chóng của đất nước ta trong quá trình Đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa đã chứa đựng trong đó những vấn đề nảy sinh liên quan đến vấn đề này. Do đó rất cần thiết phải có những nghiên cứu tiếp nối, cập nhật hơn, đặc biệt là tại địa bàn một tỉnh biên giới đang phát triển mạnh về kinh tế và du lịch... Bài viết này là một phần của kết quả nghiên cứu thuộc đề tài cấp Bộ "*Những giải pháp văn hóa - xã hội hạn chế, đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở một số tộc người vùng Đông Bắc Việt Nam*". Phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu này nghiên cứu trường hợp kết hợp với phân tích các tài liệu thứ

cấp thu thập được từ địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Đôi nét về địa bàn nghiên cứu

Quảng Ninh là một tỉnh miền núi, ven biển và biên giới thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Trên đất liền, phía Bắc Quảng Ninh giáp Quảng Tây (Trung Quốc) với chiều dài 132,8 km và có 4 cửa khẩu trên đất liền giao thương với Trung Quốc, trong đó có 1 cửa khẩu quốc tế và 3 cửa khẩu quốc gia. Thành phố Hạ Long, thủ phủ của Quảng Ninh là một trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại và dịch vụ. Vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới (năm 1994) hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước. Nghề khai thác than đã hình thành hơn trăm năm nay, mỗi năm khai thác từ 2 đến 3 triệu tấn than.

Quảng Ninh có 10 huyện, 2 thị xã (Uông Bí và Cẩm Phả) và 1 thành phố (Hạ Long) với số dân là hơn 1 triệu người, thuộc 31 dân tộc; trong đó, đông nhất là người Kinh (chiếm 88,9%) và người Tày (2,9%). Quảng Ninh là địa bàn du lịch, cửa khẩu và khu công nghiệp khai thác than, tập trung đông người qua lại, nên tệ nạn mại dâm (TNMD) có điều kiện phát triển.

3. Một số khái niệm

- Mại dâm tiếng Latinh là prostituere có nghĩa "bày ra để bán", chỉ việc bán thân một cách tùy tiện, không thích thú. Trong Xã hội học và Tội phạm học, theo nghĩa rộng, mại dâm được định nghĩa như việc trao đổi sự thỏa mãn tình dục

lấy tiền hoặc bất cứ một giá trị vật chất nào. Mại dâm (hay bán dâm) là hành vi giao cấu của một người với người khác để được trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác (sự thỏa mãn tình dục chỉ bằng các kích thích thị giác hoặc thính giác không bị coi là mại dâm). Theo Khuất Thu Hồng (1999), mại dâm không đòi hỏi tình cảm, trách nhiệm cũng như sự cố gắng từ phía khách hàng để làm hài lòng bạn tình của mình (Khuất Thu Hồng, 1999, tr. 2). Mại dâm là một hiện tượng xã hội đặc biệt. Nó được coi là nghề cổ xưa nhất của trái đất; về mức độ phổ biến, nó mang tính toàn cầu; về khía cạnh “tệ nạn”, nó biểu hiện sự sai lệch về chuẩn mực xã hội. Rất nhiều người đã sử dụng lẫn lộn, không thể phân biệt mại dâm (là hành động bán dâm) với mãi dâm (là hành động mua dâm). Tuy vậy, ở nước ta vẫn quen dùng cụm từ “tệ nạn mại dâm” để ám chỉ cho cả hai trường hợp mại dâm và mãi dâm.

- Mãi dâm (hay mua dâm) là hành vi của người dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác trả cho người bán dâm để được giao cấu.

- Chứa mại dâm là hành vi sử dụng, thuê, cho thuê hoặc mượn, cho mượn địa điểm, phương tiện để thực hiện việc mua dâm, bán dâm.

- Tổ chức mại dâm là sự bố trí, sắp xếp để thực hiện việc mua, bán dâm.

- Môi giới mại dâm là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt của người làm trung gian để các bên thực hiện việc mua dâm, bán dâm.

- Gái mại dâm (GMD) là người cung cấp dịch vụ tình dục cho người khác (những hoạt động tình dục bất kỳ, thủ dâm hoặc giao cấu - âm đạo, mồm hoặc hậu môn), để được trả tiền hoặc những hình thức ban thưởng khác.

4. Thực trạng tệ nạn mại dâm ở Quảng Ninh

TNMD ở Quảng Ninh đang có xu hướng gia tăng, nhưng số người hành nghề mại dâm rất khó thống kê đầy đủ, bởi chỉ có thể gọi là GMD khi bắt được quả tang họ đang hành nghề, lập hồ sơ quản lý, còn lại đều chỉ là nghi vấn. Vì vậy, số GMD có hồ sơ quản lý không lớn; nó chỉ là tảng băng nổi, còn phần chìm lớn hơn nhiều lần nhưng chưa được phát hiện.

Tổng hợp báo cáo của công an và kết quả khảo sát đến ngày 15/11/2006, toàn tỉnh có 348 cơ sở kinh doanh, dịch vụ, nghi có liên quan đến TNMD. Thành phần GMD rất đa dạng, bao gồm cả người trong và ngoài tỉnh đến khá nhiều, trú tại khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, các quán tắm nóng lạnh (rê tiền), cơ sở massage... nhưng chưa phát hiện ra đường dây gái gọi cao cấp lớn. Trong 289 đối tượng nghi hoạt động mại dâm được xác định có 185 GMD (thực tế có thể lớn hơn nhiều) (xem Bảng 1). Thành phố Hạ Long, Móng Cái, Thị xã Cẩm Phả, Đông Triều là những địa bàn trọng điểm về TNMD (Theo Phạm Xuân T., Phòng Phòng chống TNXH, Sở Công an Quảng Ninh).

Bảng 1. Số người tham gia TNMD ở Quảng Ninh tới ngày 15/11/2006

TT	Tên địa phương	Tổng số	Chủ chứa	Môi giới	GMD
1	Thành phố Hạ Long	75	26	2	17
2	Móng Cái	70	17	3	50
3	Thị xã Cẩm Phả	35	3	10	22
4	Thị xã Uông Bí	20	9	0	11
5	Đông Triều	57	14	4	39
6	Yên Hưng	3	1	0	2
7	Vân Đồn	6	2	0	4
8	Hải Hà	4	1	0	3
9	Hoành Bồ	19	4	2	13
	Tổng số	289	77	21	161

Nguồn: Công an tỉnh Quảng Ninh, Báo cáo kết quả công tác phòng, chống TNMD, cờ bạc, số đề năm 2006, ngày 22/11/2006, PV11 (PC14).

Thủ đoạn hoạt động của GMD tinh vi, xảo quyệt, tổ chức kín đáo, nguy trang dưới nhiều hình thức như karaoke, nhà hàng, khách sạn, quán trọ, nhà nghỉ, quán vườn, cắt tóc gội đầu, massage, may mặc, bán hàng ăn, rửa bát... GMD núp dưới các vỏ bọc hợp pháp là hợp đồng phục vụ. Họ thường xuyên di biến động, nay đây mai đó, thay đổi địa bàn hoạt động. Khi có khách mua dâm, họ thường hẹn đi nơi khác để bán dâm, hoặc tổ chức tại chỗ nhưng bố trí bảo vệ rất nghiêm ngặt... Giữa chủ chứa, môi giới dẫn dắt và GMD thường thống nhất trước về thủ đoạn hoạt động, khai báo và đối phó với cơ quan bảo vệ pháp luật khi bị phát hiện, bắt giữ. Xu hướng chung là số người hoạt động mại dâm tăng lên, năm sau

cao hơn năm trước. So sánh số liệu năm 2006 với năm 2005, chỉ sau 1 năm, số lượng GMD đã tăng lên thêm gần 9%; số địa bàn có hoạt động mại dâm tăng từ 7 lên 9 (thêm huyện Hải Hà và Hoành Bồ).

Chân dung người bán dâm: GMD thường là người không có việc làm ổn định, kinh tế khó khăn, hoàn cảnh gia đình éo le; học vấn thấp; kém nhận thức về đạo đức và pháp luật; ăn chơi đua đòi.

Người mua dâm: Có nhiều thành phần khác nhau. Cơ quan chức năng đã có lần bắt được công chức đi mua dâm. Một số đại gia làm giàu từ nghề buôn bán kinh doanh, xây dựng, cờ bạc, lô đề, cá độ... thường "giải đen" bằng cách mua trinh bé gái sau mỗi phi vụ làm ăn thất bại.

Chủ chứa và môi giới bán dâm: Nhiều chủ chứa đồng thời kiêm môi giới bán dâm, hoặc còn nằm trong đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em. Chúng tuyển lựa những cô gái trẻ từ tỉnh xa về, nuôi trong nhà, quản lý chặt và ép buộc họ phải bán dâm. Nguyễn Thị Thu Hương (ở phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long) đã lặn lội tới các trung tâm giới thiệu việc làm ở Hà Nội tuyển “Ô sin” để giúp việc gia đình nhưng thực chất là buộc họ phải bán dâm. Má mì này chỉ say kiếm tiền mà thiếu hiểu biết pháp luật, quan niệm rằng “tuyển càng trẻ càng tốt” (CAND, 2007).

5. Nguyên nhân của tệ nạn mại dâm

5.1. Đối với GMD

Đa số GMD có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thiếu thốn vật chất, phải đi tìm việc làm để kiếm sống. Lý do này thường có sự kết hợp với những nguyên nhân khác thuộc về đời sống tinh thần (bố mẹ ly hôn, đánh cãi nhau hoặc bị người yêu phụ tình...). Bên cạnh đó, cũng có loại phụ nữ không khó khăn về kinh tế, nhưng thích kiếm tiền dễ dàng, kiếm được nhiều tiền mà ít vất vả, tuy nhiên số đó không nhiều và chắc chắn có vấn đề về nhân cách. GMD thường bắt đầu bằng các nghề nhạy cảm như nhân viên bán hàng ở quán nhậu, quán cà phê, massage, cắt tóc gội đầu, karaoke... Tại đây, họ bị đồng tiền cám dỗ, dần dần bị tha hóa và sử dụng nơi làm việc như chỗ giao dịch mại dâm.

Do gia đình quản lý lỏng lẻo, hoặc không được quan tâm chăm sóc, nên không ít em gái bị sa ngã bởi đua đòi, ham chơi,

kết thân với các phần tử xấu và dần dần bị “bôi đen”. Bên cạnh những cô gái hư hỏng cũng có nhiều mảnh đời đáng thương; nghèo và muốn kiếm tiền thật nhanh với đôi tay không nghề và cái đầu trống rỗng kiến thức, nhiều cô gái đã chọn con đường “bán vốn tự có” như một cuộc mưu sinh cho mình và “giúp đỡ gia đình”. Khi biết mình đã trượt quá xa, các cô hóa liêu, làm đủ mọi việc, kể cả làm bồ nhí cho các lão già có tiền, hay gieo rắc bệnh tật cho người khác như một cách “trả thù đời” khi phát hiện ra mình bị nhiễm HIV/AIDS.

Đa số GMD có học vấn rất thấp, bởi họ thường xuất thân từ gia đình nghèo. Cha mẹ vì bận rộn kiếm sống mà ít có thời gian quan tâm tới con. Do chuẩn mực đạo đức xã hội xuống cấp, các giá trị bị đảo lộn, các quan niệm xã hội đang dần thay đổi trong sự hòa nhập với thế giới, một số cô gái mất niềm tin vào thuần phong mỹ tục của dân tộc, đơn giản hóa chuyện quan hệ tình dục (QHTD), không coi trọng trinh tiết, coi bán dâm cũng là một nghề, một chuyện bình thường trong xã hội. Không chỉ người Kinh, mà nhiều phụ nữ Tày, Dao còn sang đất khách quê người bán dâm (ở gần cửa khẩu biên giới). Cuộc sống đô thị đã làm thay đổi đáng kể suy nghĩ và hành vi của nhiều cô gái nông thôn đi tìm việc làm. Nhiều GMD tâm sự rằng họ chỉ hành nghề đến khi có được chút vốn sẽ chuyển sang đầu tư cho nghề khác.

Do chính sách phòng chống mại dâm ở nước ta hiện nay còn bất cập, chưa phù hợp với thực tế và quy luật, nên số lượng

GMD tăng lên ở nhiều địa phương. Một số GMD đã nhận thức rằng mại dâm là không thể nào “xóa” được mà nên quản lý giống như ở một số nước phát triển. Họ đồng tình với việc giảm hại từ mại dâm bằng việc phải sử dụng bao cao su (BCS) khi bán dâm.

5.2. Đối với khách mua dâm

Với những người trẻ tuổi, học sinh, sinh viên thì lý do mua dâm chủ yếu là tò mò, thắc mắc muốn biết “trái cấm” thế nào. Quan niệm về tình dục trong giới trẻ ngày nay đã có nhiều thay đổi. Một bộ phận thanh niên có cái nhìn “thoảng” và quan hệ tình dục (QHTD) có chiều hướng dễ dãi, phóng túng. Người sử dụng BCS để quan hệ với GMD thường nghĩ rằng họ có thể an toàn 100% nhưng trong thực tế vẫn có “sự cố”, “tai nạn” bất ngờ. Với người trưởng thành đã đi làm, dù là sống độc thân hay có gia đình, mua dâm chủ yếu là “giải quyết nhu cầu” hoặc có tính thích “sưu tầm hàng”, thích “ăn phở” hơn “ăn cơm nhà”.

Với người có tiền thì việc đi “chơi gái” trở thành bình thường, giống như một nhu cầu giải trí. Trong đàm phán với đối tác làm ăn, một đêm vui vẻ với các em út dành cho đối tác được hiểu nhẹ nhàng là “tiếp khách”. Ai cũng hiểu việc làm đó là vi phạm pháp luật và ai cũng biết về mối nguy hiểm khi QHTD với GMD nhưng hình như họ vẫn thích “sự sung sướng” này. Lời giải thích duy nhất cho các trường hợp trên là do tính tò mò, ham vui và nhu cầu giải quyết sinh lý. Không chỉ những người đã yên bề gia thất mà còn một số thanh niên đang có người yêu vẫn đến thăm các động mại dâm.

5.3. Đối với chủ chứa, môi giới, tổ chức mại dâm

Kinh doanh mại dâm là nghề có lãi suất siêu cao. Đó là lực hút quan trọng khiến cho nhiều người bất chấp pháp luật và dư luận để lao vào nghề này. Lực đẩy với họ là ham muốn làm giàu bằng mọi cách. Phần lớn những “tú ông, tú bà” có cuộc sống gia đình không bình thường, hoặc có tiền án, tiền sự, dân anh chị “giang hồ”. Một số GMD sau một thời gian hành nghề có thể phát triển thành chủ chứa, môi giới, chiêu nạp GMD và kinh doanh trên thân xác họ. Do chính sách mở cửa và mặt trái của nền kinh tế thị trường, để kiếm được lợi nhuận cao, một số người đã tham gia vào đường dây tổ chức mại dâm có yếu tố nước ngoài, phục vụ khách du lịch ngoại quốc.

6. Các yếu tố thuận lợi cho sự hình thành và phát triển tệ nạn mại dâm

Lòng ham muốn tính dục (gọi là dục năng hay libido) là nguồn gốc sâu xa để hình thành nạn mại dâm. Điều đó có ý nghĩa lớn đối với cuộc cách mạng tình dục trên thế giới trong thập kỷ 60 và đầu thập kỷ 70 của thế kỷ trước, đem lại những thay đổi quan trọng trong hành vi tình dục ở nhiều nước phương Tây. Cuộc cách mạng tình dục không phải là sự đoạn tuyệt hoàn toàn với quan niệm về tình dục ở phương Tây trước đây, mà đúng hơn là sự giải phóng về mặt nhận thức: Các xã hội vốn có bản sắc tôn trọng truyền thống kín đáo nay trở nên cởi mở và dám bộc bạch những điều thầm kín với thế giới bên ngoài (Đào Xuân Dũng, 2008).

Mại dâm hình thành từ rất lâu đời, liên quan tới tín ngưỡng phồn thực. Từ thuở bình minh của loài người, QHTD tuy đã trải qua nhiều hình thức nhưng chỉ nhằm mục đích sinh sản để duy trì nòi giống và đảm bảo sự hài hòa của quan hệ âm dương. Ở Việt Nam, tín ngưỡng phồn thực đã đi vào văn hóa và có hai dạng biểu hiện: thờ cơ quan sinh dục nam nữ và thờ chính hành vi giao phối. Đây là hình thái đơn giản của tín ngưỡng phồn thực và phổ biến ở các nền văn hóa nông nghiệp. Sau này, trong quan niệm của mọi người, QHTD không chỉ nhằm sinh sản duy trì nòi giống, mà còn là hưởng lạc, một hoạt động sinh lý cần cho con người như cơm ăn, nước uống.

Nhu cầu sinh lý mạnh mẽ của đàn ông là một hiện thực khách quan và theo bản năng tự nhiên họ có xu hướng luôn tìm cách để thỏa mãn nhu cầu đó. Trong xã hội vẫn luôn tồn tại sự bất bình đẳng giới trong hoạt động tình dục. Các quan niệm xã hội từ lâu đời dường như cho phép đàn ông có quyền được QHTD rộng rãi hơn phụ nữ; ngược lại, phụ nữ buông thả sẽ bị xã hội lên án (“Trai tài năm bảy vợ/ Gái chính chuyên chỉ có một chồng”). Tất cả những lý do đó đã dẫn đàn ông tới việc QHTD ngoài hôn nhân/tình yêu. Tuy nhiên, nhiều đàn ông đi tìm sự thỏa mãn tình dục “ngoài luồng” không hề vì họ không yêu thương vợ, mà chỉ đơn thuần là sự giải tỏa nhu cầu sinh lý.

Trong suốt chiều dài lịch sử, dù trong hình thái xã hội nào, hiện tượng mại dâm vẫn tồn tại. Thói quen QHTD ngoài

hôn nhân đang trở thành một lối sống của không ít người thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, kể cả cán bộ công chức, học sinh, sinh viên... Mại dâm phát triển rầm rộ bất hợp pháp một phần là để đáp ứng cho nhu cầu đó.

Vấn đề QHTD không chính thống trong thực tế đang diễn ra phổ biến và quan niệm tình dục đã thay đổi, nhưng vẫn chưa có một cuộc cách mạng để nhận thức vấn đề này phù hợp với thực tế. Tuy xã hội Việt Nam còn khắt khe và coi QHTD nói chung là vấn đề nhạy cảm không nên nói tới nhiều, nhưng phụ nữ ngày càng “thoáng” đối với hiện tượng “QHTD ngoài hôn nhân/tình yêu” ở đàn ông. Một số phụ nữ không chấp nhận chồng ngoại tình, nhưng với việc chồng mua dâm thì không mấy khắt khe.

Các tổ chức du lịch và những du khách giàu có đã góp phần làm cho tình trạng mại dâm xảy ra trên phạm vi rộng lớn. Mại dâm trẻ em là món hàng đắt nhất trong thị trường tình dục có thể là vì khách mua dâm sợ bị lây HIV/AIDS và họ nghĩ rằng trẻ em chưa thể bị AIDS.

Việc quản lý xã hội ở nước ta, đặc biệt là ở đô thị, trung tâm kinh tế, xã hội, văn hóa hoặc khu kinh tế biên mậu... còn nhiều kẽ hở. Sự kiểm soát các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm, có nguy cơ cao đối với TNMD mặc dù đã được tiến hành nhưng chưa thường xuyên, chưa sâu sát. Việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu của người lao động tại các cơ sở này chưa tốt, đồng thời việc quản lý biên giới còn nhiều bất

cập. Các chính sách xử lý đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ vi phạm, với GMD và khách mua dâm chưa nghiêm minh, kém tác dụng. Thiếu các cơ sở tập trung chữa bệnh, giáo dục và dạy nghề cho GMD. Việc giải quyết việc làm cho GMD tái hòa nhập cộng đồng còn gặp nhiều khó khăn. Sự cảm thông của gia đình, cộng đồng và xã hội chưa đủ giúp cho GMD hoàn lương bền vững.

Trong luật pháp của một số quốc gia trên thế giới còn tôn trọng và bảo vệ quyền mua, bán dâm là: Đức, Hà Lan, New Zealand, bang Nevada và bang Rhode Island của Mỹ... Tòa án châu Âu thuộc Liên minh châu Âu đã có phán quyết Rs. C268/99 ngày 20/11/2001 nêu rõ “mại dâm” là một nghề nghiệp và là một phần của kinh tế cộng đồng”. Có thể nói rằng mua/bán dâm là hành vi đã được khá đông người chấp nhận. Đất nước ta đang trong quá trình toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng; sự giao lưu văn hóa cũng như lối sống chịu ảnh hưởng qua lại với thế giới, nhất là trong thời đại “bùng nổ” thông tin. Sự lan truyền thông tin dễ dàng là yếu tố thuận lợi cho quảng cáo và chào hàng bán dâm. Sex game - một loại hình trò chơi điện tử với cốt truyện khiêu dâm, mô phỏng toàn bộ quan hệ phòng the đã xuất hiện ở Việt Nam và âm thầm phát tán vài năm nay trong giới trẻ, chủ yếu là học sinh, sinh viên. Blog sex có khả năng truyền lan nhanh trên phạm vi rộng, trong đó quảng cáo thể xác, môi giới cho những cuộc làm tình và công khai chào hàng bán dâm.

Sự hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với Trung Quốc và các nước khác trong khu vực về việc xử lý các GMD người Việt hoạt động trên đất bạn ở các khu vực biên giới chưa có hiệu quả, còn nhiều tồn tại. GMD người Việt (cả người Kinh và người dân tộc thiểu số - DTTS) hoạt động vượt ra ngoài tầm kiểm soát của pháp luật nước ta.

7. Các biện pháp đã thực hiện và những tồn tại

Ở nước ta, sau giải phóng miền Nam (1975), TNMD đã căn bản được xóa bỏ, nhưng mấy năm gần đây phát triển trở lại làm xói mòn đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hóa, xã hội, trật tự trị an và có thể gây nhiều hệ quả nghiêm trọng đến nòi giống. Nhằm từng bước đẩy lùi, hạn chế TNMD, làm lành mạnh đời sống xã hội, từ năm 1993 Chính phủ đã có Nghị quyết số 05-CP ngày 29/1/1993 về phòng chống TNMD, nêu rõ mại dâm là một TNXH và đã quyết định những chủ trương và biện pháp xóa bỏ TNMD dưới mọi hình thức.

Nếu như nhiều nước trên thế giới và khu vực hợp pháp hóa mại dâm để quản lý thì ở Việt Nam từ sau khi giành được độc lập dân tộc, Đảng và Chính phủ đã rất kiên quyết đấu tranh với TNMD. Trong giai đoạn 1994-2004, công an đã phát hiện, triệt phá 17.654 ổ nhóm, đường dây hoạt động mại dâm, bắt giữ, xử lý 60.018 đối tượng, trong đó có 11.778 đối tượng là chủ chứa, môi giới mại dâm. Năm 2006 là năm đầu tiên thực hiện Chương trình phòng chống TNMD giai đoạn 2006-2010, trong bối cảnh công tác

quản lý xã hội được đẩy mạnh toàn diện, công tác phòng chống TNMD có những chuyển biến bước đầu, đã tuyên truyền, giáo dục thường xuyên bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với đối tượng và huy động được sự tham gia của hầu hết các ban, ngành, đoàn thể.

Quảng Ninh cũng như cả nước đã có những kết quả nhất định trong công tác phòng chống TNMD thời gian qua. Tuy nhiên, trước thực trạng TNMD diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp, công tác phòng chống TNMD trong cả nước nói chung và Quảng Ninh nói riêng còn bộc lộ nhiều tồn tại sau:

- Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa kiên quyết trong đấu tranh phòng chống TNMD, để nhiều tụ điểm mại dâm tồn tại, gây dư luận bức xúc.

- Công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên còn bộc lộ nhiều yếu kém; xem nhẹ, thiếu quan tâm trong chỉ đạo, đầu tư cán bộ, kinh phí, hỗ trợ việc làm và tái hòa nhập cộng đồng cho GMD.

- Đội ngũ tuyên truyền viên phòng chống TNMD tại các xã, phường còn yếu cả về kỹ năng tuyên truyền, thảo luận nhóm lẫn khả năng tổ chức các hoạt động cộng đồng.

- Các mô hình truyền thông, mô hình hỗ trợ giáo dục phụ nữ, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa có hiệu quả như mong muốn.

- Vấn đề quản lý, giáo dục con em trong gia đình vẫn khó khăn, vì các bậc cha mẹ đôi khi chưa nhận thức rõ vai trò và tầm

quan trọng của việc phòng ngừa sớm tệ nạn xã hội từ gia đình.

- TNMD vẫn luôn lách, tồn tại trá hình ở nhiều nơi qua đường dây gái gọi phục vụ trong các khách sạn, nhà hàng lớn, GMD đi theo các tour du lịch, mại dâm có yếu tố nước ngoài; môi giới mại dâm thông qua dịch vụ internet (chat, website), điện thoại di động; mại dâm trong các tụ điểm cá độ bóng đá, mại dâm cho các đại gia gọi “hàng” theo “vé”; blog sex rất nguy hiểm, nhưng chưa đủ điều kiện kiểm soát. Mại dâm ở nơi công cộng đẹp chỗ này lại bùng phát chỗ khác, nhất là địa bàn giáp ranh; mại dâm len lỏi vào các vùng nông thôn, miền núi. Các địa điểm mại dâm đều có môi giới, chủ chứa ăn chia. Các tụ điểm bán dâm dễ biến tướng thành tụ điểm mua bán ma túy, nghiện hút. Một số GMD mang cả 3 loại tệ nạn xã hội: mại dâm, HIV và nghiện ma túy; có nơi 80% GMD đứng đường nghiện ma túy và nhiễm HIV.

- Việc quản lý, giáo dục, chữa trị cho GMD ở cơ sở chữa bệnh đang gặp khó khăn về thủ tục đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh; về biện pháp giáo dục; về khả năng chuyên môn của cán bộ và thái độ, quan niệm của xã hội; về nhân lực, vật lực, tài lực... khiến cho công tác này chưa hiệu quả. Quản lý, giáo dục ở cộng đồng về cơ bản mới chỉ quan tâm đến người có hộ khẩu tại địa phương, chưa có cơ chế đối với người tình ngoài cư trú trên địa bàn.

- Hoạt động hỗ trợ đối tượng hoàn lương chủ yếu do chính quyền, đoàn thể thực hiện, thiếu sự tham gia của các cơ sở

sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn, chưa có cơ chế rõ ràng để huy động đối tác ngoài nhà nước tham gia. Phần lớn GMD hoạt động trên địa bàn ngoại tỉnh, rất khó quản lý, giáo dục và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng. Quy trình giáo dục, tạo việc làm cho GMD chưa theo kịp thực tế. Không ít GMD học vấn thấp lại nghiện hút nên sau khi giáo dục, dạy nghề mà không có việc làm, lại “ngựa quen đường cũ”.

- Các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với mại dâm còn nhiều bất cập, khó thực thi... chưa thống nhất khái niệm về hành vi giao cấu; bắt quả tang và các QHTD khác. Việc sửa đổi các nghị định xử lý vi phạm hành chính không đồng bộ, tạo khoảng trống hoặc trùng lặp; các quy định xử phạt hành chính về mại dâm phân tán trong nhiều nghị định, dẫn đến bỏ lọt, khó khăn cho cơ sở khi áp dụng. Sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự còn chưa chặt chẽ và thiếu kịp thời. Việc xử lý “gái bán hoa lẻ đường” còn bất cập, vì Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính chỉ cho phép tạm giữ GMD nhiều nhất 24 tiếng, trong khi GMD thường sử dụng chứng minh nhân dân giả, thì 24 tiếng tạm giữ là quá ít cho việc xác minh đủ thông tin, không xác định được “bán dâm và bán dâm thường xuyên” để lập hồ sơ, đưa về các trung tâm giáo dục. Hơn thế, hồ sơ GMD phải đủ chứng cứ “bán dâm và bán dâm thường xuyên”; vì vậy, nếu vi phạm 1 lần thì chỉ lập hồ sơ, xử phạt hành chính 50.000 đồng rồi thả. Thế nên, quy trình: bắt - lập hồ sơ - xử phạt, rồi lại thả, khiến GMD đứng đường nhòn luật. Khi hồ sơ đã chứng minh được

GMD thường xuyên thì việc đưa họ về trung tâm giáo dục cũng là bài toán hóc búa do trung tâm không đủ sức chứa.

- Kinh phí cho phòng chống TNMD nhiều năm qua có ít, thậm chí có tỉnh không được cấp kinh phí. Vì vậy, một số mặt hoạt động bị hạn chế, không thực hiện được mục tiêu đề ra.

Kết luận và khuyến nghị

Hiện nay TNMD có mặt trên khắp đất nước ta và tập trung ở thành thị, nhất là các đô thị lớn, các khu du lịch, các trung tâm kinh tế - xã hội, trong đó Quảng Ninh là một tỉnh có nhiều yếu tố thuận lợi cho TNMD phát sinh, phát triển. Địa điểm mại dâm chủ yếu tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ “nhạy cảm” như khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, cơ sở karaoke, massage, vũ trường, quán cà phê giải khát, gội đầu, cắt tóc... GMD kiếm tiền bằng các kiểu QHTD, với mục đích mưu sinh hoặc để thoả mãn lối sống buông thả, sa đọa, hoặc do hoàn cảnh đưa đẩy... GMD chủ yếu trẻ tuổi, học vấn thấp, nhận thức về xã hội yếu kém, ít hiểu biết về pháp luật, không được giáo dục đầy đủ về các chuẩn mực đạo đức xã hội và kỹ năng sống... Người mua dâm có đủ loại, kể cả học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức nhà nước. Thủ đoạn mại dâm rất đa dạng, tinh vi, biến tướng, trá hình, khó phát hiện, thậm chí còn ứng dụng cả công nghệ thông tin trong việc chào hàng, môi giới. Mại dâm kết hợp với nghiện ma túy là một nguyên nhân làm lan tràn HIV/AIDS.

Mại dâm ngày càng gia tăng về quy mô và phạm vi hoạt động. Quảng Ninh là

tỉnh giáp biên và có cửa khẩu quốc tế, quốc gia với Trung Quốc; có nhiều khu du lịch nổi tiếng nên TNMD phát triển mạnh. GMD chủ yếu là người Kinh trong tỉnh hoặc đến từ các tỉnh nghèo, bên cạnh đó còn có cả người Tày, Dao...

Nguyên nhân của mại dâm chủ yếu là do thiếu thốn kinh tế, phụ nữ phải tìm kế mưu sinh trong hoàn cảnh không nghề nghiệp, học vấn và thiếu kỹ năng sống. Chuẩn mực đạo đức xã hội bị xuống cấp không chỉ kéo theo những phụ nữ nghèo khổ bị hoàn cảnh đưa đẩy mà còn tha hóa một bộ phận phụ nữ không nghèo đi vào con đường làm ăn bất hợp pháp để thỏa mãn nhu cầu ăn chơi, đua đòi trác táng. Mại dâm có nguồn gốc lâu đời vì nó đáp ứng nhu cầu tình dục ngoài hôn nhân của đàn ông. Thị trường Trung Quốc thu hút mạnh GMD Việt Nam sang làm ăn. Nghề mại dâm đem lại nhiều lợi nhuận là một thứ siêu lực hút đối với GMD.

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã kiên trì mục tiêu coi mại dâm là một tệ nạn xã hội, kiên quyết đấu tranh, xóa bỏ, nhưng gần đây, TNMD đang phát triển mạnh. Pháp luật nước ta chưa có hiệu quả cao đối với TNMD, chưa có mô hình giải quyết TNMD triệt để và chưa giúp cho GMD hoàn lương, tái hòa nhập bền vững với cộng đồng.

Để tiếp tục giải quyết TNMD ở nước ta nói chung và ở Quảng Ninh nói riêng, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên làm công tác lãnh đạo,

quản lý từ Trung ương tới cơ sở, nhằm tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị trong việc phòng chống TNMD. Lồng ghép nội dung phòng chống TNMD vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm.

- Giải pháp quan trọng nhất đối với phòng chống TNMD là Thông tin - Giáo dục - Truyền thông (TGT). Nội dung truyền thông phải tập trung vào nhận diện các loại hình mua, bán dâm, tác hại của mại dâm, các thủ đoạn của GMD và tội phạm về mại dâm, các chính sách, pháp luật về phòng chống mại dâm, kỹ năng sống... nhằm khắc phục lối sống sa đọa, trụy lạc trong QHTD; đấu tranh, bài trừ các quan niệm không phù hợp về bản chất “trời cho” của đàn ông đối với QHTD ngoài tình yêu/hôn nhân, chống hiện tượng mua dâm để “xả xui”; bảo vệ bản sắc văn hóa phương Đông trong ứng xử với nạn mại dâm. Kênh truyền thông phải đa dạng, đồng bộ, lồng ghép vào mọi hoạt động của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội. Các thông điệp truyền thông phải ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, hấp dẫn, phù hợp với văn hóa, ngôn ngữ của các nhóm đối tượng, các dân tộc, các giới. Hình thức TGT phải phong phú, hấp dẫn, phù hợp với đặc điểm tộc người, các vùng, miền. Tần suất truyền thông phải thường xuyên, liên tục. Truyền thông đại chúng và truyền thông trực tiếp cần phối hợp chặt chẽ để những thông điệp đến được với các DTTS không nói sõi tiếng Việt, bằng cách có những chiến lược đặc biệt theo từng vùng địa lý và từng khu vực dân cư riêng.

- Cùng cố thiết chế gia đình bền vững, các thành viên thường xuyên quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tiếp tục đề cao các chuẩn mực giá trị đạo đức xã hội, lối sống lành mạnh, vợ chồng chung thủy, cùng cố các tinh hoa truyền thống nho giáo, thuần phong mỹ tục dân tộc.

- Cùng cố và tăng cường vai trò của các luật tục, hương ước, quy ước của làng văn hóa, gia đình văn hóa, tranh thủ tiếng nói của người có uy tín trong cộng đồng, tạo dư luận xã hội phê phán, chê trách mại dâm, người hành nghề mại dâm, người mua dâm, chủ chứa, môi giới, tổ chức mại dâm...

- Xây dựng Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động - Xã hội (CB-GD-LĐ-XH) đủ sức chứa GMD trong tỉnh hoặc liên thông với tỉnh khác. Phân đấu thu gom và đưa toàn bộ GMD có hồ sơ quản lý vào Trung tâm này và giúp họ hoàn lương bền vững. Tốt nhất là đưa GMD có hồ sơ quản lý vào Trung tâm CB-GD-LĐ-XH tại địa phương họ cư trú. Cộng đồng, xã hội không được kỳ thị, phân biệt đối xử, không dùng các từ ngữ có tính định kiến, miệt thị như “con đĩ”, “bán trôn nuôi miệng”... với GMD. Tổ chức câu lạc bộ đồng đẳng của GMD để tuyên truyền, vận động và triển khai các biện pháp giảm hại bằng cách cung cấp miễn phí BCS.

- Cần sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật, nhất là các chế tài xử lý vi phạm hành chính đối với GMD, người mua dâm; bổ sung khái niệm mại dâm, tránh tình trạng “lách luật”. Quy định các chế tài xử lý mạnh hơn đối với GMD và nhất là với

người mua dâm. Công khai danh tính của GMD và người mua dâm tới gia đình, địa phương/cơ quan công tác. Xử lý nghiêm những kẻ mua dâm trẻ vị thành niên và bọn chủ chứa, môi giới, cò mồi. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thực hiện chương trình giảm hại như cung cấp BCS cho GMD và cho khách sạn, nhà nghỉ, đồng thời thường xuyên cung cấp bơm kim tiêm sạch và BCS miễn phí cho GMD nghiện ma túy nhằm hạn chế sự lây truyền của HIV.

- Xây dựng lối sống lành mạnh, thủy chung và trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi gia đình và mọi công dân. Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa, tăng cường vận động thực hiện luật bình đẳng giới, tạo dư luận xã hội phê phán, ngăn chặn và xử lý các trường hợp bạo lực gia đình, nhất là ở vùng DTTS.

- Phối hợp chặt chẽ các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, nhà trường và gia đình trong giáo dục, quản lý, đặc biệt là quản lý về thời gian, không để thanh thiếu niên đàn đúm với nhóm bạn xấu, sa đà vào các điểm dịch vụ internet hoặc phòng riêng có nối mạng ở gia đình. Có biện pháp giáo dục để phát huy ở lớp trẻ (nhất là giới trẻ ở thành thị) tính năng động, tìm tòi, trau dồi kiến thức và tự giác bài trừ những ấn phẩm và nội dung xấu từ các blog sex, website không lành mạnh...

- Đổi mới công tác đấu tranh, kiểm soát, xây dựng một lực lượng chuyên trách tinh nhuệ từ Bộ Công an đến công an xã, phường. Phát động nhân dân tố giác các ổ

nhóm, GMD trên địa bàn cư trú... Kịp thời đấu tranh, xóa bỏ các tụ điểm mại dâm; truy tố trước pháp luật và xử lý nghiêm những chủ chứa, môi giới, tổ chức mại dâm...

- Chế độ xã hội chủ nghĩa không chấp nhận hợp pháp hóa mại dâm. Vì vậy, phải tăng cường công tác quản lý của Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh, dịch vụ “nhạy cảm”, có nguy cơ mại dâm. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan xử lý và cơ quan cấp giấy phép kinh doanh. Đình chỉ ngay và thu hồi giấy phép kinh doanh của các cơ sở vi phạm luật phòng chống mại dâm. Buộc các chủ sở hữu lao động phải đăng ký danh sách lao động làm thuê đúng pháp luật, thực hiện chế độ khám sức khỏe, chữa bệnh đối với các nhân viên phục vụ trong những nghề được Nhà nước quy định; cam kết không vi phạm pháp luật về phòng chống mại dâm. Tăng cường quản lý mạng internet, quản lý hành chính các cơ sở dịch vụ internet thông qua sự ràng buộc trách nhiệm của chủ hộ kinh doanh (ký cam kết). Kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm mọi hoạt động vi phạm về kinh doanh dịch vụ mạng, triệt phá ngay các trang website không lành mạnh, blog sex và mua bán dâm trên mạng. Trong quy hoạch đô thị, cần bố trí riêng các khu vực dịch vụ để phát sinh TNMD để tiện quản lý, đồng thời giao trách nhiệm quản lý cụ thể cho chủ tịch ủy ban nhân dân và trưởng công an địa phương.

- Đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, các Chương trình 135, 134, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, nhất là đồng bào DTTS ở vùng sâu, vùng xa,

biên giới. Có chính sách hợp lý để tạo nghề và việc làm cho thanh niên (nhất là nữ DTTS) và GMD đã hoàn lương tái hòa nhập cộng đồng. Chính quyền, đoàn thể các địa phương phải cam kết và có trách nhiệm giúp vay vốn, tạo việc làm ổn định, có thu nhập cho GMD hoàn lương bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. CAND, *Tuyển “Ô sin” để ép bán trình*, trên trang Gia đình.NET.VN (truy cập ngày 6/8/2007).
2. Đào Xuân Dũng, *Cuộc cách mạng tình dục* (Báo Khoa học & Đời sống), trên trang Khám Phá 24h (truy cập ngày 10/12/2008).
3. Dương Tự Đàm (1992), “Mại dâm - một TNXH ở nước ta đang trở thành tai họa đối với tuổi trẻ”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Đổi mới các chính sách xã hội nhằm khắc phục TNXH trong điều kiện kinh tế thị trường”*, Bộ Nội vụ.
4. Khuất Thu Hồng, Nguyễn Thị Văn, Lê Thị Phụng, Khuất Hải Oanh (1997), *Gái mại dâm ở phía Bắc - một khía cạnh xã hội và hành vi liên quan đến AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục*, Viện Xã hội học và Ủy ban phòng chống AIDS, Hà Nội.
5. Khuất Thu Hồng (1991), *Mại dâm từ góc độ xã hội học*, Tài liệu nghiên cứu phòng cơ cấu chính sách xã hội, Viện Xã hội học, Hà Nội.
6. Khuất Thu Hồng (1998), *Khu vực Đông Nam Á - Nghiên cứu tình dục ở Việt*

Nam: Những điều biết và chưa biết, Hội đồng Dân số, Hà Nội.

7. Khuất Thu Hồng (1999), *Mại dâm: phân tích xã hội học về lịch sử hình thành và phát triển, những bài học kinh nghiệm*, Viện Xã hội học, Hà Nội.

8. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (1996), *Thực trạng lạm dụng tình dục và mại dâm trẻ em đường phố*, Trung tâm Công tác xã hội, Hà Nội.

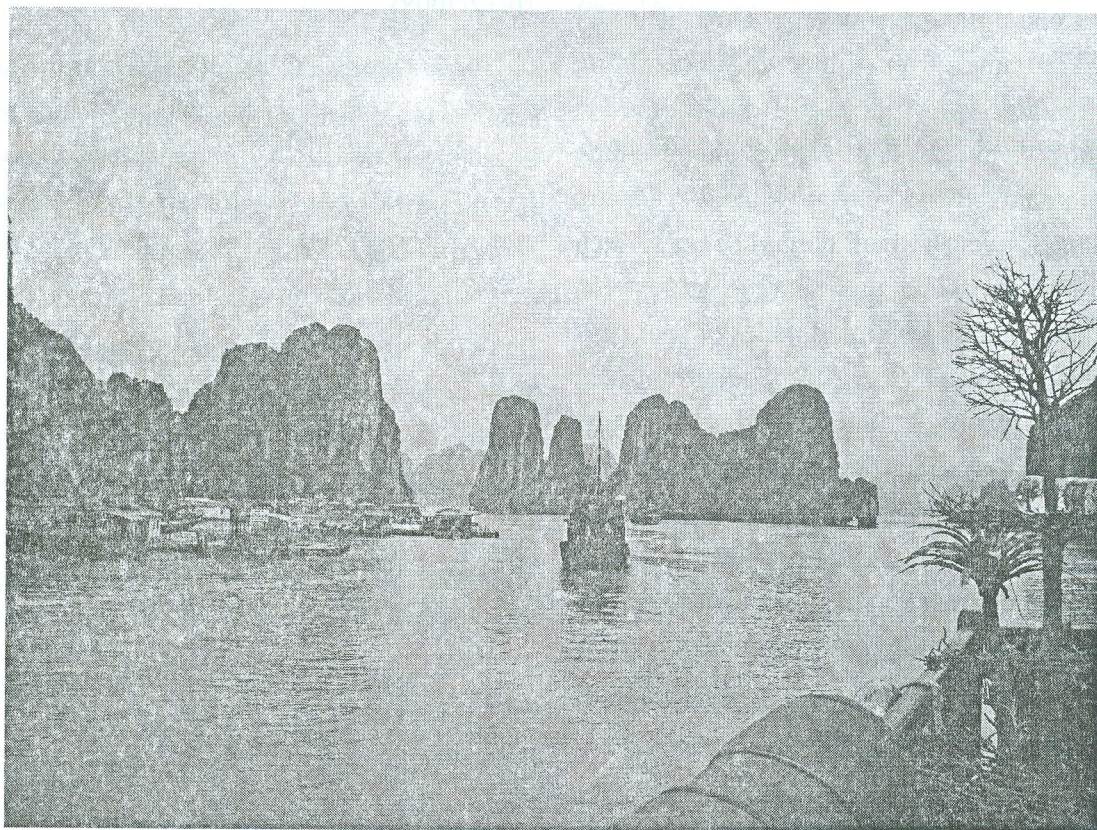
9. Phòng Nhân chủng học tộc người và Trung tâm nghiên cứu Sức khỏe cộng đồng (2008), “*Những giải pháp văn hóa - xã hội hạn chế, đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở một số*

tộc người vùng Đông Bắc Việt Nam”, *Báo cáo Đề tài cấp Bộ*, Viện Dân tộc học.

10. Lê Thị Quý (1992), *Các khía cạnh kinh tế xã hội - tâm lý của mại dâm*, Đề tài của Trung tâm Nghiên cứu khoa học về Phụ nữ và Gia đình, Hà Nội.

11. Robert, Benounoun (1992), *HIV/AIDS programming with high risk behavior groups in Ho Chi Minh City*, Save The Children Fund (UK), Vietnam Program.

12. Nguyễn Thị Thanh Thủy và cộng sự (1996), *Lây nhiễm HIV ở gái mại dâm Thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh.



Một góc làng Chài ở Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Ảnh: Lê Mùi